TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH QUẢNG NGÃI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 128/2026/DS-PT
Ngày: 13 - 8 - 2026
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NGÃI

***- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có*:**
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trịnh Thị Thu Lan.
Các Thẩm phán: Bà Lê Thị Mỹ Giang
Bà Hoàng Thị Mai Hạnh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Ngọc Hiếu - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ngãi tham gia phiên tòa: Bà Phan Thị Tứ - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 8 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 66/2026/TLPT-DS ngày 08 tháng 6 năm 2026, về việc: *"Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"*.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 18/2026/DS-ST ngày 24/3/2026 của Tòa án nhân dân khu vực 1 - Quảng Ngãi bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 126/2026/QĐ-PT ngày 13 tháng 7 năm 2026; Quyết định hoãn phiên tòa số 162/2026/DS-PT ngày 30 tháng 7 năm 2026, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Trương Thị Hồng C - sinh năm 1970; cư trú tại khu dân cư T, tổ dân phố T, phường T, tỉnh Quảng Ngãi.

- *Bị đơn:* Ông Phạm Thiên T - sinh năm 1970; cư trú tại số nhà A đường N, phường N, tỉnh Quảng Ngãi.

- *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:* Ông Võ Đình N - sinh năm 1968; cư trú tại cư trú tại khu dân cư T, tổ dân phố T, phường T, tỉnh Quảng Ngãi.

(Tất cả các đương sự đều có mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện đề ngày 19/6/2025, đơn khởi kiện sửa đổi, bổ sung đề ngày 18/7/2025, các tài liệu có tại hồ sơ vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn là bà Trương Thị Hồng C trình bày:*

Xuất phát từ chỗ bạn bè quen biết chơi thân nhau, bà có cho ông Phạm Thiên T mượn với tổng số tiền 225.000.000 đồng bằng hình thức chuyển khoản vào số tài khoản 0271000049153 tại Ngân hàng thương mại cổ phần N1 (viết tắt là VCB) của ông T theo 03 lệnh thanh toán, cụ thể: Ngày 31/5/2017, chuyển 20.000.000 đồng; ngày 07/6/2017, chuyển 100.000.000 đồng và ngày 05/7/2017, chuyển 100.000.000 đồng; ngoài ra, bà còn đưa trực tiếp cho ông T mượn số tiền 5.000.000 đồng; khi chuyển tiền cho ông T mượn, bà chỉ ghi nội dung HONG CO (có nghĩa là Hồng C) chuyển tiền. Hai bên thỏa thuận khi nào cần, bà yêu cầu thì ông T phải trả tiền cho bà, nhưng khi bà cần tiền yêu cầu ông T trả nợ thì ông T không trả và cố tình né tránh.

Nay, bà yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Phạm Thiên T phải trả cho bà toàn bộ số tiền đã mượn là 225.000.000 đồng, bà không yêu cầu ông T trả tiền lãi.

** Theo các tài liệu có tại hồ sơ vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm, bị đơn là ông Phạm Thiên T trình bày:*

Ông và bà Trương Thị Hồng C là bạn bè quen biết nhau nên bà C có nhờ ông mua giúp một thửa đất để làm nhà ở. Sau khi ông tìm được thửa đất tại phường N (địa chỉ cụ thể của thửa đất thì ông không nhớ rõ), trị giá 500.000.000 đồng. Sau đó, bà C đã chuyển vào tài khoản của ông với số tiền 120.000.000 đồng để ông đặt cọc mua đất giúp cho bà C. Ông là người trực tiếp nhận tiền và ký hợp đồng đặt cọc với chủ đất để mua đất giúp cho bà C (thông tin về chủ đất ông không nhớ vì sự việc xảy ra đã lâu). Sau khi đặt cọc xong, số tiền chuyển nhượng còn lại thì vợ, chồng bà C là người trực tiếp liên hệ với chủ đất để giao đủ tiền làm thủ tục để được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Số tiền 120.000.000 đồng bà C chuyển vào tài khoản của ông là tiền bà C nhờ ông đặt cọc để mua đất chứ ông không mượn bà C với số tiền này. Ông chỉ thừa nhận có nợ bà Cơ số tiền 105.000.000 đồng.

Tại Biên bản phiên họp công khai chứng cứ và hòa giải ngày 25/12/2025, ông thừa nhận có nợ bà Cơ số tiền 25.000.000 đồng; 02 lần bà C chuyển tiền vào tài khoản của ông, tổng cộng 200.000.000 đồng, trong đó 100.000.000 đồng bà C chuyển cho ông vào tháng 6/2017 là số tiền bà C nhờ ông đặt cọc mua đất giúp cho bà C, còn 100.000.000 đồng bà C chuyển vào tháng 7/2017 là tiền bà C cùng ông đặt cọc để mua đất chung, nhưng không thực hiện được nên mất cọc; ông

chấp nhận nợ bà Cơ số tiền 100.000.000 đồng. Ông chỉ thừa nhận có nợ bà Cơ số tiền 125.000.000 đồng. Vì sự việc xảy ra đã lâu nên thông tin về thửa đất, hợp đồng đặt cọc cũng như giấy tờ thể hiện việc ông nhận tiền của bà C để mua đất giúp cho bà C thì ông không cung cấp được cho Tòa án.

Ngày 24/12/2025, ông có nộp cho Tòa án 01 giấy cung cấp chứng cứ do ông viết, có ông Võ Phúc H ký tên, với nội dung ông H là người biết việc bà C nhờ ông mua đất giúp. Tòa án có yêu cầu ông cung cấp địa chỉ cụ thể của ông H nhưng ông chỉ biết ông H ở phường N, tỉnh Quảng Ngãi còn địa chỉ cụ thể thì ông không biết.

Tại phiên tòa sơ thẩm, ông T xác định có nợ bà Cơ số tiền 125.000.000 đồng, còn số tiền 100.000.000 đồng là tiền bà C nhờ ông mua đất giúp cho bà C. Ông chỉ đồng ý trả cho bà Cơ số tiền 125.000.000 đồng.

** Theo các tài liệu có tại hồ sơ vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Võ Đình N trình bày:*

Ông thống nhất với yêu cầu khởi kiện của vợ ông là bà Trương Thị Hồng C; ông không thống nhất với lời trình bày của ông Phạm Thiên T; việc ông T cho rằng tháng 6/2017, bà C chuyển 100.000.000 đồng vào tài khoản của ông T là để nhờ ông T đặt cọc mua đất giúp và bà C đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là hoàn toàn không đúng sự thật. Ông đề nghị Tòa án giải quyết theo đúng pháp luật.

**Bản án số 18/2026/DS-ST ngày 24/3/2026 của Tòa án nhân dân khu vực 1 - Quảng Ngãi đã xử*: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là bà Trương Thị Hồng C. Buộc ông Phạm Thiên T phải trả cho bà Trương Thị Hồng Cơ S tiền 225.000.000 đồng. Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của đương sự.

* Ngày 06 và ngày 13 tháng 4 năm 2026, bị đơn là ông Phạm Thiên T có đơn kháng cáo, kháng cáo bổ sung đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xem xét lại bản án sơ thẩm số 18/2026/DS-ST ngày 24/3/2026 của Tòa án nhân dân khu vực 1 - Quảng Ngãi vì các khoản tiền bà Trương Thị Hồng C chuyển cho ông để đặt cọc mua chung đất ở phường N, tỉnh Quảng Ngãi nhưng do nhiều nguyên nhân vi phạm đặt cọc nên mất cọc, ông và bà C cùng chịu, chứ ông không mượn tiền của bà C như bản án sơ thẩm đã nhận định và quyết định. Đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết vụ việc đảm bảo công bằng và đúng quy định.

* Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ngãi phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và các đương sự kể từ khi

Tòa án cấp phúc thẩm thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đều chấp hành đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Đơn kháng cáo của bị đơn là ông Phạm Thiên T đảm bảo về thời hạn kháng cáo, người có quyền kháng cáo và nội dung kháng cáo theo quy định tại các Điều 271, 272, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự nên được Tòa án tỉnh Quảng Ngãi thụ lý, giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

Về nội dung: Tại phiên tòa phúc thẩm, các đương sự tự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án. Xét việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án là tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 300, khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự, sửa bản án sơ thẩm số 18/2026/DS-ST ngày 24/3/2026 của Tòa án nhân dân khu vực 1 - Quảng Ngãi, công nhận sự thỏa thuận của các đương sự, cụ thể: Ông Phạm Thiên T trả cho bà Trương Thị Hồng Cơ S tiền 150.000.000 đồng; về án phí, đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Ngày 24/3/2026, Tòa án nhân dân khu vực 1 - Quảng Ngãi tuyên án vụ án nêu trên. Ngày 06/4/2026, bị đơn là ông Phạm Thiên T có đơn kháng cáo là còn trong thời hạn kháng cáo theo quy định tại Điều 272, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự, nên được xem xét, giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Về nội dung:

[2.1] Ông Phạm Thiên T thừa nhận bà Trương Thị Hồng C 03 lần chuyển tiền vào số tài khoản 0271000049153 của ông tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần N1 (viết tắt là VCB) vào ngày 31/5/2017, ngày 07/6/2017 và ngày 05/7/2017 với tổng số tiền 220.000.000 đồng và bà T đưa trực tiếp cho ông số tiền 5.000.000 đồng, tổng cộng 225.000.000 đồng. Đây là tình tiết không phải chứng minh theo quy định tại Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2.2] Tại phiên tòa, ông T và bà C thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án, cụ thể: Ông T chỉ phải trả cho bà Cơ số tiền 150.000.000 đồng; ông Võ Đình N đồng ý với việc thỏa thuận của ông T, bà C. Xét việc thỏa thuận của các đương sự là tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội, Hội đồng xét xử chấp nhận, sửa bản án sơ thẩm, công nhận sự thỏa thuận của các đương sự theo quy định tại khoản 1 Điều 300 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2.3] Về án phí:

[2.3.1] Án phí sơ thẩm: Do sửa bản án sơ thẩm, nên ông T chỉ phải chịu 7.500.000 đồng án phí (150.000.000 đồng x 5%) theo quy định tại khoản 2 Điều 148, khoản 2 Điều 300 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 5 Điều 29 Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án (viết tắt là Nghị quyết số 326).

Bà C không phải chịu án phí sơ thẩm; hoàn trả lại cho bà C 5.500.000 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo Biên lai số 0001548 ngày 16/10/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Ngãi.

[2.3.2] Án phí phúc thẩm: Ông T phải chịu án phí phúc thẩm 300.000 đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm đã nộp là 300.000 đồng theo Biên lai số 0002018 ngày 11/5/2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Ngãi theo quy định khoản 5 Điều 29 Nghị quyết số 326. Ông T đã nộp đủ án phí phúc thẩm.

[3] Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ngãi là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 148, Điều 300, khoản 2 Điều 308, Điều 309 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 166, 357, 463, 466, 469 Bộ luật Dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự tại phiên tòa phúc thẩm, sửa bản án sơ thẩm số 18/2026/DS-ST ngày 24/3/2026 của Tòa án nhân dân khu vực 1 - Quảng Ngãi.

1. Ông Phạm Thiên T trả cho bà Trương Thị Hồng Cơ S tiền 150.000.000 đồng *(một trăm, năm mươi triệu đồng).*

2. Về án phí:

2.1. Án phí sơ thẩm: Ông Phạm Thiên T phải chịu 7.500.000 đồng *(bảy triệu, năm trăm ngàn đồng)*.

Bà Trương Thị Hồng C không phải chịu án phí sơ thẩm; hoàn trả lại cho bà Trương Thị Hồng C 5.500.000 đồng *(năm triệu, năm trăm ngàn đồng)* tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo Biên lai số 0001548 ngày 16/10/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Ngãi.

2.2. Án phí phúc thẩm: Ông Phạm Thiên T phải chịu 300.000 đồng *(ba trăm ngàn đồng)*, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm đã nộp là 300.000 đồng *(ba trăm ngàn đồng)* theo Biên lai số 0002018 ngày 11/5/2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Ngãi. Ông Phạm Thiên T đã nộp đủ án phí phúc thẩm.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Mỹ Giang **Hoàng Thị Mai Hạnh** **Trịnh Thị Thu Lan**

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Quảng Ngãi;
- TAND khu vực 1 - Quảng Ngãi;
- Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Ngãi;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu Tòa Dân sự, tổ HCTP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trịnh Thị Thu Lan